TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HS-ST
Ngày 24-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

Tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La:
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quàng Văn Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Ngân
Ông Sa Văn Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Mùa A Hay, Kiểm sát viên.

Tại điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Sơn La:

Thư ký Tòa án: Bà Đinh Thị Viên

Cán bộ chiến sỹ thuộc cơ sở giam giữ: Ông Hạng A Sáy và ông Sa Đức Toản.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La và điểm cầu thành phần: Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm trực tuyến, công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2022/HSST ngày 11 tháng 11 năm 2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hạng A T**; Sinh ngày 17/6/2000 tại xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: bản L, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông: Hạng A H; Sinh năm 1980 và bà Sồng Thị S; Sinh năm 1980; Bị cáo có vợ là Mùa Thị D; sinh năm 1999 và có 04, con lớn nhất 05 tuổi, con nhỏ nhất 01 tuổi, hiện nay đều cư trú tại bản L, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 25/8/2022 đến nay, có mặt.

- Bị hại: Ban quản lý rừng đặc dụng T (Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên T - P); Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn V - Giám đốc Ban quản lý; Địa chỉ: Bản V, xã M, huyện P, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có lý do xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cộng đồng bản L, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; Người đại diện: ông Hạng A T - Trưởng bản; Địa chỉ: Bản L, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKS-BY ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, truy tố bị cáo Hạng A T phạm tội "Hủy hoại rừng" theo điểm d khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Khoảng cuối tháng 04 năm 2022, do có ý định chặt, phát rừng đốt làm nương trồng lúa, Hạng A T đã mang theo 01 máy cưa xăng, 01 con dao quắm đi bộ một mình từ nhà ở bản L, xã H, B vào khu vực C (theo tên địa phương) thuộc khu rừng đặc dụng T. *(Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên T (Ban quản lý rừng đặc dụng T) được thành lập từ ngày 11/11/2002 tại Quyết định số 3440/2002/QĐ-UB ngày 11/11/2002 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Sơn La. Ngày 12/10/2009 Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên T (Ban quản lý rừng đặc dụng T) tại Quyết định số 2741/QĐ-UBND ngày 12/10/2009 của Ủy ban nhân dân dân tỉnh Sơn La. Ban quản lý rừng đặc dụng T đã giao khoán diện tích rừng đặc dụng thuộc địa phận bản L, xã H cho cộng đồng bản L nhận bảo vệ, chăm sóc, được chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định)*. Hạng A T dùng máy cưa xăng cưa sát gốc những cây có kích thước lớn, còn những cây kích thước nhỏ T dùng dao quắm chặt sát gốc. Hạng A T thực hiện chặt, phát rừng trong khoảng 05 ngày. Một thời gian sau, T đi đến khu vực đã chặt hạ, phát cây thấy những cây gỗ chặt hạ đã khô, T dùng bật lửa gas châm lửa đốt hết số cây trên diện tích rừng đã phá, quá trình đốt, một số cây gỗ đã bị cháy hết. Ngày 01/6/2022, Công an xã H và Ban quản lý bản L đã tiến hành kiểm tra và lập biên bản xác định nơi xảy ra vụ việc.

Ngày 10/6/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện B phối hợp với VKSND huyện B, Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng T tiến hành khám nghiệm hiện trường tại tọa độ X=557907, Y=2364201, thuộc tiểu khu 373, khoảnh 6, lô 2 rừng đặc dụng T, đám rừng bị Hạng A T hủy hoại có diện tích 2.480m^2. Tại hiện trường các cây gỗ nhỏ, các cành nhánh nhỏ cây gỗ bị đốt cháy hoàn toàn, các cành, cây gỗ to bị đốt cháy một phần nên không xác định được kích thước và số lượng cây rừng bị chặt phá. Xác định số lượng, khối lượng cây thân gỗ bị Hạng A T hủy hoại theo phương pháp lập ô tiêu chuẩn, xác định được là 33 cây thân gỗ, là loại gỗ thông thường, thuộc nhóm VI; Khối lượng gỗ bị thiệt hại là 1,346m^3. Toàn bộ số cây gỗ bị đốt cháy một phần còn lại tại đám rừng trong khu vực rừng đặc dụng T do Hạng A T hủy hoại, đã bàn giao cho Ban quản lý bản L bảo quản và quản lý theo quy định.

Vật chứng thu giữ: 01 máy cưa xăng nhãn hiệu HUSQVARNA Special 365, máy cũ, đã qua sử dụng, phần thân máy có vỏ bằng nhựa sơn màu đỏ; Lưỡi cưa bằng kim loại màu đen dài 60cm, rộng 08cm, bao quanh bằng dây xích cưa

bằng kim loại màu đen dài 140cm và 01 dao quắm dài 90cm, dao cũ đã qua sử dụng, cán dao bằng gỗ, phần mũi dao uốn cong hình lưỡi liềm của Hạng A Thò.

Tại kết luận kết luận định giá tài sản số 1050/KL-HĐĐG ngày 02/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận kết luận: Giá trị của 1,346m^3 gỗ thuộc nhóm VI được Hội đồng định giá 1.487.000 đồng (Một triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa công khai, bị cáo Hạng A T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Hạng A T đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng" theo điểm d khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 1, Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Hạng A T mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Trả tự do ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam, giữ về tội phạm khác.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự. Đề nghị chấp nhận bị cáo Hạng A T đã tự nguyện bồi thường giá trị số lâm sản bị thiệt hại số tiền 1.487.000 đồng (Một triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Ban quản lý rừng đặc dụng T nhất trí, không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Giao cho Ban quản lý bản L, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La tiếp tục quản lý, để nguyên số cây gỗ bị chặt, đốt cháy một phần còn lại tại đám rừng trong khu vực rừng đặc dụng T do Hạng A T hủy hoại; Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 máy cưa xăng nhãn hiệu HUSQVARNA Special 365, máy cũ, đã qua sử dụng, phần thân máy có vỏ bằng nhựa sơn màu đỏ; Lưỡi cưa bằng kim loại màu đen dài 60cm, rộng 08cm, bao quanh bằng dây xích cưa bằng kim loại màu đen dài 140cm. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 dao quắm dài 90cm, dao cũ đã qua sử dụng, cán dao bằng gỗ, phần mũi dao uốn cong hình lưỡi liềm.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 của UBTVQH. Đề nghị miễn án phí cho bị cáo Hạng A T.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Ý kiến của bị cáo Hạng A T tự bào chữa: bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi

phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, và cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương.

Bị hại - Ban quản lý rừng đặc dụng T; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn V trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt: Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cộng đồng bản L, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; Người đại diện: ông Hạng A T - Trưởng bản trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt: Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, và được cải tạo giáo dục tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Hạng A T thừa nhận: Khoảng cuối tháng 4 năm 2022 bị cáo Hạng A T đã một mình mang theo 01 máy cưa xăng, 01 con dao quắm đến khu rừng đặc dụng T thuộc tiểu khu 373, khoảnh 6, lô 2 thuộc địa phận bản L, xã H. Bị cáo Hạng A T đã sử dụng máy cưa và dao quắm chặt, phát rừng, mục đích để làm nương trồng lúa. Khu rừng bị cáo chặt, phát có diện tích là 2.480m^2. Số lượng cây gỗ bị thiệt hại (được xác định theo phương pháp ô tiêu chuẩn) là 33 cây thân gỗ, là loại gỗ thông thường, thuộc nhóm VI; Khối lượng gỗ bị thiệt hại là 1,346m^3 . Tại kết luận kết luận định giá tài sản số 1050/KL-HĐĐG ngày 02/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Yên kết luận kết luận: Giá trị của 1,346m^3 gỗ thuộc nhóm VI được Hội đồng định giá 1.487.000 đồng (Một triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả điều tra được chứng minh như sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại...

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Hạng A T đã thực hiện hành vi Hủy hoại rừng, tội danh quy định tại điểm d khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điểm d khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự quy định: *"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

...

d) Rừng đặc dụng có diện tích từ 1.000 mét vuông (m^2) đến dưới 3.000 mét vuông (m^2)".

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình gây ra là nguy hiểm cho xã hội, nhưng vì động cơ mục đích cá nhân là để có đất nương trồng lúa, nên bị cáo đã thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, kỷ cương xã hội, bị cáo nhận thức được rằng rừng là tài nguyên quốc gia, Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm về rừng, nhất là trong khu vực rừng đặc dụng được nhà nước bảo vệ nghiêm ngặt. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý, bảo vệ rừng của Nhà nước, xâm hại đến hệ sinh thái, ảnh hưởng đến sự bền vững và ổn định của môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tòa cần xem xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tích cực bồi thường giá trị số lâm sản bị thiệt hại là 1.487.000 đồng (Một triệu bốn trăm tám bảy nghìn đồng) và bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức và am hiểu pháp luật còn nhiều hạn chế. Bị cáo được gia đình, chính quyền địa phương xác nhận đơn xin bảo lãnh, giáo dục.

[5] Về hình phạt chính: Tòa cần xem xét cân nhắc xử phạt bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm và nhân thân của bị cáo. Việc cách ly bị cáo một thời gian là không cần thiết, mà cần xem xét giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng có thể đảm bảo được điều kiện và thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục chung, đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống các hành vi tương tự xảy ra ở địa phương hiện nay.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định *" 4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".* Xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo

thuộc hộ nghèo, không có thu nhập ổn định, không có tài sản có giá trị lớn, bị cáo không có khả năng thi hành. Vì vậy Tòa cần xem xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hạng A T đã chặt hạ, đốt trái phép cây rừng, trên diện tích 2.480 m^2 đất rừng đặc dụng, gây thiệt hại 33 cây gỗ tròn có khối lượng 1,346 m^3 gỗ thuộc nhóm VI là loại thực vật thông thường, giá trị thiệt hại trực tiếp về lâm sản là 1.487.000 đồng (Một triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Bị cáo Hạng A T đã tự nguyện nộp tiền bồi thường giá trị số lâm sản bị thiệt hại số tiền 1.487.000 đồng (Một triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La. Xét việc tự nguyện bồi thường trên phù hợp với pháp luật, nên Tòa cần chấp nhận và giao trả cho bị hại. Theo quy định tại các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015.

[8] Về vật chứng vụ án:

Đối với số vật chứng gồm: số cây gỗ bị chặt hạ, đốt cháy một phần còn lại tại đám rừng trong khu vực rừng đặc dụng T do Hạng A T hủy hoại hiện đang giao cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Ban quản lý bản L, xã H quản lý, Tòa cần tiếp tục giao cho Ban quản lý bản L, xã H quản lý để nguyên trên rừng.

Đối với 01 máy cưa xăng nhãn hiệu HUSQVARNA Special 365, máy cũ, đã qua sử dụng, phần thân máy có vỏ bằng nhựa sơn màu đỏ; Lưỡi cưa bằng kim loại màu đen dài 60cm, rộng 08cm, bao quanh bằng dây xích cưa bằng kim loại màu đen dài 140cm. Là của bị cáo, bị cáo đã sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm, vẫn còn giá trị sử dụng, Tòa cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 dao quắm dài 90cm, dao cũ đã qua sử dụng, cán dao bằng gỗ, phần mũi dao uốn cong hình lưỡi liềm. Là của bị cáo, bị cáo đã sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm, vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[9] Về án phí: Theo Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, thì bị cáo Hạng A T là người dân tộc thiểu số sinh sống tại bản L, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La là bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Gia đình bị cáo Hạng A T là hộ nghèo thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy Tòa cần xem xét miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Hạng A T phạm Tội: "Hủy hoại rừng".

- Xử phạt bị cáo Hạng A T 18 (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thử thách 36 (Ba mươi sáu)tháng. Thời hạn tính từ ngày 24/11/2022.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hạng A T.

- Giao bị cáo Hạng A T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Hạng A T nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015: Chấp nhận bị cáo Hạng A T đã bồi thường giá trị lâm sản bị thiệt hại số tiền 1.487.000 đồng (Một triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 0001208 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Tuyên giao trả cho Ban quản lý rừng đặc dụng T.

4. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Giao cho Ban quản lý bản L, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La tiếp tục quản lý, để nguyên trên rừng số cây gỗ bị chặt hạ, đốt cháy một phần còn lại tại đám rừng trong khu vực rừng đặc dụng T do Hạng A T hủy hoại.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu HUSQVARNA Special 365, máy cũ, đã qua sử dụng, phần thân máy có vỏ bằng nhựa sơn màu đỏ; Lưỡi cưa bằng kim loại màu đen dài 60cm, rộng 08cm, bao quanh bằng dây xích cưa bằng kim loại màu đen dài 140cm.

- Tịch thu tiêu hủy 01 dao quắm dài 90cm, dao cũ đã qua sử dụng, cán dao bằng gỗ, phần mũi dao uốn cong hình lưỡi liềm.

(Chi tiết theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản của vụ án giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 11/11/2022).

5. Về Án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Hạng A T.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quy định chung của pháp luật. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm theo quy định chung của pháp luật.

Nơi nhận:
-Toà án tỉnh Sơn La;
-VKSND-B;
-Công an-B;
-Bị cáo;
-Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
-UBND xã H;
-Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
-Chi cục THADS-B;
-THA.Hình sự;
-Lưu hồ sơ - Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Quàng Văn Thủy